

Bản án số: 07/2021/DS - PT
Ngày: 18 – 01 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Mã Quế Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2020/TLPT – DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2020/DS – ST ngày 01/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 227/2020/QĐ – PT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH TVP; địa chỉ: Số 307, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 307, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch công ty kim giám đốc). (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị K, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 114, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Người kháng cáo: Cty TNHH MTV TVP là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2020, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Cty TNHH MTV TVP trình bày:

Vào khoảng tháng 9 năm 2013, Cty TNHH MTV TVP có bán cho Đoàn Thị K nhiều lần phân bón và thuốc bảo vệ thực vật để sử dụng trong nông nghiệp (Trồng lúa), theo hình thức bán cho nợ theo thời vụ, khi mua phân và thuốc thì phía công ty có mở sổ mua hàng cho người mua viết số lượng phân, thuốc mua, số tiền nợ và ký tên vào sổ, công ty giữ sổ mua hàng, đến khi thu hoạch lúa hai bên đối chiếu tiền nợ và bên mua sẽ trả tiền; tổng số tiền bà K mua phân và thuốc của công ty còn thiếu là 84.775.300 đồng. Sau đó, bà K đã trả nhiều lần từ năm 2013 đến năm 2016 cho công ty được số tiền là 77.775.000 đồng, còn nợ lại số tiền 7.000.000 đồng, công ty đã nhiều lần yêu cầu bà K trả số tiền 7.000.000 đồng còn nợ nhưng bà K không chịu trả, cũng như không còn mua phân và thuốc của công ty nữa.

Nay công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bị đơn bà K trả số tiền 7.000.000 đồng còn nợ và tiền lãi là 01%/tháng kể từ ngày 20/4/2015 cho đến khi trả xong số tiền còn nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về tiền lãi suất, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 7.000.000 đồng còn nợ.

- Tại Biên bản hòa giải ngày 13/5/2020, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Đoàn Thị K trình bày:

Vào vụ mùa năm 2013, bà có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong nông nghiệp của Cty TNHH MTV TVP nhiều lần và trả tiền từng đợt hoặc theo mùa vụ thu hoạch lúa, nhưng số tiền nợ trong năm 2013 thì bà đã trả đầy đủ số tiền mua phân, thuốc và không còn nợ công ty.

Khi đối chiếu số tiền nợ và trả tiền thì nhân viên Kế toán công ty có viết cho bà giấy nhận trả đủ tiền, do thời gian lâu quá nên bà không nhớ nhân viên Kế toán của công ty nhận tiền của bà tên gì, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà trả số tiền 7.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2020/DS – ST ngày 01/10/2020 đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; áp dụng Điều 430, Điều 433, Điều 434 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV TVP đối với bị đơn bà Đoàn Thị K, về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật số tiền là 7.000.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV TVP đối với bị đơn bà Đoàn Thị K, về việc yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2020, nguyên đơn Cty TNHH MTV TVP có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2020/DS – ST ngày 01/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ và tiền lãi tính đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông M không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng trong tổng số tiền 84.775.300 đồng bà K mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn thiếu thì có tiền lãi là 9.706.000 đồng, bà K trả nhiều lần và còn thiếu lại số tiền 54.481.300 đồng, đến ngày 20/4/2015 bà K giao xe trừ nợ với giá là 22.775.000 đồng và công ty bỏ tiền lãi là 9.706.000 đồng, còn lại số tiền 22.000.000 đồng (Làm tròn) và bà K viết nhận nợ vào sổ mua hàng, sau đó bà K trả được 02 lần với số tiền 15.000.000 đồng, còn thiếu lại 7.000.000 đồng, ông yêu cầu bà K trả số tiền này và tính lãi suất 01%/tháng từ ngày nợ đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Bị đơn bà K cho rằng quá trình mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là không có thỏa thuận lãi suất, nhưng sau đó công ty tính lãi thì bà cũng đồng ý; tại phiên tòa bà K nộp tờ giấy ghi “*tổng cộng 19.586.000 đồng, ngày 30/12/2013 trả đủ*” và bà xác định đây là số tiền bà trả nợ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật khớp trước, sau đó bà giao xe trả đủ cho công ty số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ở khớp sau, bà không còn nợ công ty nữa; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ nhất, người đại diện hợp pháp của Cty TNHH MTV TVP và bị đơn bà Đoàn Thị K đều có mặt; nên HĐXX căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của Cty TNHH MTV TVP là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1

Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự có căn cứ xác định bà K có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong vụ mùa cuối năm 2013 của Cty TNHH MTV TVP, bà K thiếu tổng số tiền 84.775.300 đồng, trong đó có 9.706.000 đồng là tiền lãi; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của Cty TNHH MTV TVP về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại số tiền 7.000.000 đồng mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ. Xét thấy, tại phiên tòa bà K nộp tờ giấy ghi *“tổng cộng 19.586.000 đồng, ngày 30/12/2013 trả đủ”* và bà K xác định đây là số tiền bà trả nợ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật khớp trước, sau đó bà giao xe trả đủ cho công ty số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ở khớp sau, bà không còn nợ công ty nữa, nhưng bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và hợp pháp. Mặc dù, trong tổng số tiền 84.775.300 đồng mà bà K mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của Cty TNHH MTV TVP thì có số tiền lãi là 9.706.000 đồng do nguyên đơn tự tính và ghi vào sổ mua hàng; nhưng bà K đã trả tiền nhiều lần và đến ngày 27/01/2015 bà K trả thêm số tiền 20.000.000 đồng, còn thiếu lại số tiền 54.481.300 đồng (BL số 39, 40a), đến ngày 20/4/2015 bà K giao xe trừ nợ với số tiền 22.775.000 đồng và công ty bỏ số tiền lãi là 9.706.000 đồng, nên bà K còn thiếu lại số tiền 22.000.300 đồng (Làm tròn là 22.000.000 đồng) và bà K viết nhận nợ vào sổ mua hàng có nội dung *“Số tiền còn lại 22.000.000 hai hai triệu ngày 30 tháng 2 âm tôi trả ngày 29/01 dl”*, bà K ký tên xác nhận phía dưới (BL số 41). Tuy bà K không thừa nhận chữ viết trên sổ mua hàng có nội dung *“Số tiền còn lại 22.000.000 hai hai triệu ngày 30 tháng 2 âm tôi trả ngày 29/01 dl”*, nhưng theo Kết luận giám định số 144/PC09 – GD ngày 02 tháng 7 năm 2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: Chữ viết có nội dung *“Số tiền còn lại 22.000.000 hai hai triệu ngày 30 tháng 2 âm tôi trả ngày 29/01 dl”* tại BL số 41 trên sổ mua hàng, tài liệu cần giám định so với chữ viết của bà Đoàn Thị K (Bà K thừa nhận là do bà viết) tại BL số 40a cùng nằm trên sổ mua hàng tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định bà K mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của Cty TNHH MTV TVP còn thiếu lại số tiền 22.000.000 đồng là sau khi giao xe trừ nợ, vì trang ghi giao xe trừ nợ nằm liền kề trước trang ghi nợ với số tiền 22.000.000 đồng đã được giám định. Sau đó, bà K trả được hai lần với số tiền 15.000.000 đồng, mặc dù không có làm biên nhận, nhưng phía công ty đã ghi vào sổ mua hàng và thừa nhận là có lợi cho bà K, bà K không có chứng cứ nào để chứng minh bà đã trả số tiền 7.000.000 đồng còn lại. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không phù hợp với quy định tại Điều 430, 433, 434, khoản 1, 2 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của Cty TNHH MTV TVP về việc yêu cầu tính lãi suất 01%/tháng từ ngày nợ đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Xét thấy, đối với yêu cầu tính lãi suất 01%/tháng từ ngày nợ đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án là do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã rút lại đối với yêu cầu này tại phiên

tòa sơ thẩm, nên người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 01%/tháng từ ngày nợ đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, về lãi suất chậm thi hành án thì được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Từ những phân tích như đã nêu tại mục [4] và [5] có đủ cơ sở xác định kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần đối với số tiền 7.000.000 đồng bị đơn còn nợ, còn đối với yêu cầu tính lãi suất 01%/tháng là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 350.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về chi phí giám định: Tổng chi phí số tiền 2.850.000 đồng. Do yêu cầu giám định của nguyên đơn là có căn cứ, nên bị đơn phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước số tiền 5.000.000 đồng, nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.850.000 đồng, nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền đã nộp tạm ứng thừa là 2.150.000 đồng.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án dân sự sơ thẩm có liên quan đến nội dung kháng cáo, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ một phần như vừa nhận định tại mục [6] nêu trên, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 430, Điều 433, Điều 434, khoản 1, 2 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH MTV TVP.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2020/DS – ST ngày 01/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Án tuyên như sau:

- *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV TVP. Buộc bà Đoàn Thị K có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV TVP số tiền là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).*

- *Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.*

- *Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV TVP đối với bị đơn bà Đoàn Thị K, về việc yêu cầu tính lãi suất 01%/tháng từ ngày nợ đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.*

- *Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng). Công ty TNHH MTV TVP được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001397, ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.*

- *Về chi phí giám định: Tổng chi phí số tiền 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), bà Đoàn Thị K phải chịu; nhưng do Công ty TNHH MTV TVP đã nộp tạm ứng trước số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), nên bà Đoàn Thị K có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV TVP số tiền 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng); Công ty TNHH MTV TVP được hoàn trả lại số tiền đã nộp tạm ứng thừa là 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.*

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH MTV TVP không phải chịu. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV TVP số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0005289, ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn